

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa
Quốc Gia IDI

Số: 329/2023-IDI.CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(V/v: Giải trình chênh lệch LNST BCTC Riêng năm 2022 đã được soát xét)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia (IDI)

Mã chứng khoán: IDI

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành,
huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02777 300 468

Fax: 02773. 680 616

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Chung

Địa chỉ: 72 Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Fax:

Loại thông tin công bố định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính Riêng năm 2022 đã được soát xét. Thông tin trên đã được đăng tải trên website: idiseafood.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan:

.....

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Lê Văn Chung

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	4,936,600,711,909	3,462,179,505,087	1,474,421,206,822	42.59%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1,313,124,857	3,367,156,447	(2,054,031,590)	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,935,287,587,052	3,458,812,348,640	1,476,475,238,412	42.69%
4. Giá vốn hàng bán	VI.03	3,978,505,426,440	3,037,543,890,417	940,961,536,023	30.98%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		956,782,160,612	421,268,458,223	535,513,702,389	127.12%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	134,303,485,184	73,757,149,365	60,546,335,819	82.09%
7. Chi phí tài chính	VI.05	249,374,683,208	184,322,908,845	65,051,774,363	35.29%
- Trong đó: Chi phí lãi vay		179,212,295,189	173,096,650,421	6,115,644,768	3.53%
8. Chi phí bán hàng	VI.06	295,680,699,067	164,389,099,922	131,291,599,145	79.87%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	32,295,515,698	27,852,409,170	4,443,106,528	15.95%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		513,734,747,823	118,461,189,651	395,273,558,172	333.67%
11. Thu nhập khác	VI.07	41,127,834,481	32,949,110,281	8,178,724,200	24.82%
12. Chi phí khác	VI.08	8,916,606,697	7,825,919,643	1,090,687,054	13.94%
13. Lợi nhuận khác		32,211,227,784	25,123,190,638	7,088,037,146	28.21%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		545,945,975,607	143,584,380,289	402,361,595,318	280.23%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	46,023,249,365	33,011,836,343	13,011,413,022	39.41%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		499,922,726,242	110,572,543,946	389,350,182,296	352.12%

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 tăng 389,35 tỷ đồng tương đương tăng 352.12% so với năm 2021 và việc tăng giảm các chỉ tiêu trong bảng Báo cáo KQKD so với cùng kỳ năm trước Công ty xin được giải trình như sau:

- 1/. Doanh thu tăng 42.59% tương đương 1.474,42 tỷ đồng do doanh số bán hàng và giá bán tăng.
- 2/. Giá vốn tương ứng cũng tăng 30.98% tương đương 940,96 tỷ đồng do giá cả nguyên liệu tăng so với cùng kỳ năm trước.
- 3/. Lợi nhuận gộp tăng 127.12% tương đương tăng 535,51 tỷ đồng do Công ty chủ động được nguồn cung nguyên liệu giá tốt và giá cả xuất khẩu trên thị trường tăng cao so với cùng kỳ năm trước.
- 4/. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 60,55 tỷ tương đương tăng 82.09% so với năm 2021.

Người lập biểu

Vũ Thị Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Phương

